

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CTKTU-TTHT
V/v chính sách thuế đối với hoạt
động cung cấp dịch vụ công

Kon Tum, ngày tháng năm

Kính gửi: Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị tỉnh Kon Tum
Mã số thuế: 6100208972
Địa chỉ: 279 Bà Triệu, phường Quyết Thắng, thành phố
Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Ngày 25/4/2024 Cục Thuế tỉnh Kon Tum nhận được Công văn số 39/TTDV-HC ngày 25/4/2024 của Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị tỉnh Kon Tum về việc đề nghị hướng dẫn thực hiện công tác giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ “quản lý, vận hành các tòa nhà/trụ sở cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý tại Khu Hành chính của tỉnh Kon Tum”. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

I. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tổ chức lại Nhà khách Hữu Nghị để thành lập Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành đơn giá quản lý, vận hành các tòa nhà/trụ sở cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý tại Khu hành chính của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-VP ngày 26/4/2024 của Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư của Bộ Tài chính số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014, 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014, 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015, 193/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015, 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016, 173/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016, 93/2017/TT-BTC ngày 19/09/2017, 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018, 82/2018/TT-BTC ngày 30/08/2018, 43/2021/TT-BTC ngày 11/06/2021, 13/2023/TT-BTC ngày 28/02/2023 (Sau đây gọi tắt là “Thông tư số 219/2013/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung”);

Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư của Bộ Tài chính số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014, 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014, 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015, 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016, 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018 và Thông tư liên tịch của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/06/2016 (Sau đây gọi tắt là “Thông tư số 78/2014/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung”);

- Tại mục 2 Chương II Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định về tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) có quy định như sau:

“Điều 18: Phân phối kết quả tài chính trong năm

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định này, **nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định,...**”

II. Ý kiến của Cục Thuế về vướng mắc của đơn vị

Hiện tại, đơn vị đang thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT, TNDN theo phương pháp trực tiếp. Do đó, đơn vị phải thực hiện kê khai và nộp thuế như sau:

1. Về thuế giá trị gia tăng

- Tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 219/2013/TT-BTC có quy định như sau:

“Điều 2. Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này.”

“Điều 3. Người nộp thuế

Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu) bao gồm:

...

2. Các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, **tổ chức sự nghiệp** và các tổ chức khác;”

- Căn cứ danh mục đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng tại điều 4, danh mục các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng tại điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định về tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng trên doanh thu áp dụng với cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp đối với từng hoạt động như sau:

“- Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%;

- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;

- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;

- Hoạt động kinh doanh khác: 2%.”

- Căn cứ Phụ lục Bảng danh mục ngành nghề tính thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu ban hành kèm Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

Căn cứ các quy định nêu trên, nếu Trung tâm cung cấp các dịch vụ công (bằng phương thức giao nhiệm vụ hay đặt hàng) tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND và Quyết định số 67/QĐ-VP thì phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo tỉ lệ 5% trên doanh thu cung cấp dịch vụ.

2. Về thuế thu nhập doanh nghiệp

- Tại Điều 2 Thông tư số 78/2014/TT-BTC quy định về người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

“1. Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:

...

b) Đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập có sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế trong tất cả các lĩnh vực.”

- Căn cứ danh mục các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp tại Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung.

- Tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC có quy định như sau:

“5. Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác không phải là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà các đơn vị này xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, cụ thể như sau:

+ Đối với dịch vụ (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay): 5%.

Riêng hoạt động giáo dục, y tế, biểu diễn nghệ thuật: 2%.

+ Đối với kinh doanh hàng hóa: 1 %.

+ Đối với hoạt động khác: 2%.”

Căn cứ các quy định nêu trên, nêu Trung tâm cung cấp các dịch vụ công (bằng phương thức giao nhiệm vụ hay đặt hàng) tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND và Quyết định số 67/QĐ-VP thì phải kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỉ lệ 5% trên doanh thu cung cấp dịch vụ.

III. Trường hợp đến hết ngày 31/12/2024, đơn vị có nhu cầu nộp thuế GTGT, TNDN theo phương pháp kê khai thì đơn vị lập thủ tục chuyển đổi phương pháp tính thuế và kê khai theo quy định hiện hành.

Cục Thuế tỉnh Kon Tum trả lời đề Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị tỉnh Kon Tum biết. Nếu có nội dung nào chưa rõ, đề nghị Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị tỉnh Kon Tum liên hệ phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế, Cục Thuế tỉnh Kon Tum (điện thoại 0260.3864207) để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Các Phòng: NVDTTC, KTNB, TTKT, KK;
- Website;
- Lưu: VT, TTHT (11b).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Lê Tiến Đông